

## **Bài 31. VÙNG ĐÔNG NAM BỘ**

### I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

– Hiểu được Đông Nam Bộ là vùng phát triển kinh tế rất năng động. Đó là kết quả khai thác tổng hợp lợi thế vị trí địa lí, các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên trên đất liền, trên biển, cũng như những đặc điểm dân cư và xã hội.

– Nắm vững phương pháp kết hợp kênh hình và kênh chữ để giải thích một số đặc điểm tự nhiên, kinh tế – xã hội của vùng, đặc biệt là trình độ đô thị hóa và một số chỉ tiêu phát triển kinh tế – xã hội cao nhất trong cả nước.

– Đọc bảng số liệu, lược đồ để khai thác kiến thức, liên kết các kênh kiến thức theo câu hỏi dẫn dắt.

### II – MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý

– Về vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ :

Trong một số tài liệu phân vùng kinh tế đất nước và Niên giám thống kê hiện hành, Đông Nam Bộ gồm cả hai tỉnh cực Nam Trung Bộ, do đó những số liệu thống kê về Đông Nam Bộ không tương ứng với khái niệm vùng Đông Nam Bộ trong SGK Địa lí 9 (trong danh mục các tỉnh ở vùng Đông Nam Bộ trong SGK Địa Lí 9 không bao gồm hai tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận).

Điều nhấn mạnh trong mục này là lợi thế của vùng như cầu nối Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ với Đồng bằng sông Cửu Long, giữa đất liền với Biển Đông giàu tiềm năng, đặc biệt là tiềm năng dầu khí trên thềm lục địa phía Nam.

Với 2 giờ bay (giả định) từ TP. Hồ Chí Minh có thể đi tới thủ đô các quốc gia Đông Nam Á, HS có thể suy luận về lợi thế giao lưu kinh tế và văn hoá với các nước trong khu vực. Những lợi thế khác như địa hình tương đối bằng phẳng, mặt bằng xây dựng tốt, diện tích đất chưa sử dụng còn khá nhiều, nguồn nước của lưu vực sông Đồng Nai,...

– Về đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên :

Để hình thành khái niệm tổng hợp về Đông Nam Bộ, HS chỉ cần đọc kí bảng 31.1 và hình 31.1 (lược đồ tự nhiên Đông Nam Bộ), sau khi nhận xét đặc điểm tự nhiên, cần tập trung thảo luận câu hỏi vì sao Đông Nam Bộ có tiềm năng phát triển kinh tế biển. Vận dụng kiến thức đã học ở phần địa lí công nghiệp, có liên hệ Địa lí lớp 8, HS sẽ nhận thức được tiềm năng kinh tế biển, trước hết là thềm lục địa có nguồn dầu khí lớn và đang được khai thác, nguồn thuỷ sản, điều kiện giao thông vận tải, du lịch biển (bãi biển Vũng Tàu, khu di tích lịch sử nhà tù Côn Đảo).

Vấn đề cần tập trung đi sâu phân tích thêm :

*Thứ nhất* : Đó là nguồn tài nguyên đất, trong đó đất nông nghiệp thích hợp với trồng cây công nghiệp lâu năm, đặc biệt là cây cao su. Đông Nam Bộ là vùng chuyên canh cây công nghiệp hàng đầu đất nước.

*Thứ hai* : Liên quan tới sự phát triển công nghiệp và đô thị là sự cấp thiết phải gìn giữ môi trường, bảo vệ và phát triển quỹ đất rừng hiện có để giữ cân bằng sinh thái.

– Về đặc điểm dân cư, xã hội :

Ở vùng Đông Nam Bộ vấn đề nổi bật là sự phát triển đô thị, công nghiệp trong một môi trường khá thuận lợi, tạo ra sức hút ngày càng lớn những dòng lao động từ nhiều vùng đất nước tới để tìm kiếm cơ hội việc làm, dẫn tới nguy cơ quá tải dân số đô thị, đặc biệt là tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua các số liệu trong bảng 31.2 HS có thể nhận thức được những ưu việt và tính hấp dẫn của Đông Nam Bộ qua các chỉ số : thu nhập bình quân đầu người một

tháng, tỉ lệ người lớn biết chữ, tuổi thọ trung bình, tỉ lệ dân thành thị đều cao hơn hẳn các trị số trung bình cả nước. Trong đó hai chỉ tiêu lớn khá hấp dẫn là thu nhập bình quân đầu người một tháng và tỉ lệ dân thành thị 55,5% (năm 1999).

Đông Nam Bộ có nhiều địa danh lịch sử văn hoá và du lịch nổi tiếng như Bến cảng Nhà Rồng, Địa đạo Củ Chi, nhà tù Côn Đảo, vườn Quốc gia Cát Tiên,...

### III – CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CẨN THIẾT

- Lược đồ tự nhiên Đông Nam Bộ.
- Một số tranh ảnh.

### IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY BÀI MỚI

#### 1. Gợi ý dạy mục I : Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ

GV yêu cầu HS đọc nhanh kinh chữ và xem lược đồ để xác định đường ranh giới với các vùng Tây Nguyên, cực Nam Trung Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, biên giới với Cam-pu-chia, đường bờ biển và không quên nhắc tới huyện đảo Côn Đảo thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Căn cứ vào hiểu biết về tiềm năng kinh tế của Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm lương thực – thực phẩm số một của cả nước, Tây Nguyên giàu tài nguyên rừng, cây công nghiệp, đặc biệt là cây cà phê, HS có thể thảo luận về ý nghĩa vị trí địa lí của Đông Nam Bộ : Biển Đông đem lại cho Đông Nam Bộ tiềm năng khai thác dầu khí ở thềm lục địa, nuôi trồng và đánh bắt thuỷ sản, phát triển du lịch, dịch vụ kinh tế biển.

#### 2. Gợi ý dạy mục II : Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

Để có được khái niệm chung về đặc điểm tự nhiên và tiềm năng kinh tế ở Đông Nam Bộ, GV yêu cầu HS đọc kĩ bảng 31.1 sau đó nêu nhận xét. Thực ra nhận xét tức là nhắc lại tóm tắt các ý chính rút ra từ bảng 31.1. GV gợi ý HS thảo luận tuân tự theo từng câu hỏi. Với câu hỏi vì sao vùng Đông Nam Bộ có tiềm năng phát triển mạnh kinh tế biển, HS có thể suy luận từ bảng 31.1 và từ lược đồ (hình 31.1).

Vấn đề đất và rừng ở Đông Nam Bộ cần được HS nhận thức sâu sắc hơn. Đông Nam Bộ có hai loại đất chủ yếu là đất badan và đất xám, rất thích hợp với các cây công nghiệp có giá trị xuất khẩu như cao su, cà phê, điều, thuốc lá, mía đường và rau quả.

Rừng ở Đông Nam Bộ không còn nhiều. Tâm quan trọng của việc bảo vệ rừng là bảo vệ nguồn sinh thuỷ và giữ gìn cân bằng sinh thái. Chú ý vai trò quan trọng của rừng ngập mặn ven biển, trong đó rừng Sác ở huyện Cần Giờ vừa có ý nghĩa du lịch vừa là "lá phổi" xanh của Thành phố Hồ Chí Minh, vừa là khu Dự trữ sinh quyển của thế giới.

### 3. Gợi ý dạy mục III : Đặc điểm dân cư, xã hội

Đây là vấn đề khá hấp dẫn nếu GV biết khai thác tốt các tư liệu và vấn đề đã có trong SGK.

GV nên yêu cầu HS đọc nhanh kinh chữ và lướt qua lược đồ tự nhiên Đông Nam Bộ, sau đó gợi ý HS thảo luận về tình hình đô thị hoá với những hệ quả của nó là tỉ lệ dân thành thị chiếm 55,5%, tạo ra sự hấp dẫn nguồn lao động từ nhiều vùng của đất nước tới đây tìm kiếm việc làm. Mặt khác, GV gợi ý và thảo luận mặt trái các tác động của đô thị và công nghiệp tới môi trường. Trong SGK không viết rõ điều này. GV nên gợi ý HS tìm hiểu và giải thích. Lấy ví dụ, Thành phố Hồ Chí Minh có nguy cơ dân số ngày một "phình ra", nước các dòng sông, như sông Thị Nghè bị ô nhiễm nặng. Nhưng quan trọng hơn cả là nguy cơ ô nhiễm môi trường do khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển đã từng xảy ra.

GV cũng cần gợi ý HS tìm hiểu một số địa chỉ văn hoá lịch sử ở Đông Nam Bộ, trong đó có Bến cảng Nhà Rồng, nơi Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước. HS cũng cần biết các địa chỉ khác như Hội trường Thống Nhất (dinh Độc lập), Địa đạo Củ Chi, nhà tù Côn Đảo đều là những chứng tích lịch sử của dân tộc ta.

## V – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI KHÓ

– Vì sao phải bảo vệ và phát triển rừng để nguồn đồng thời hạn chế ô nhiễm môi trường nước của các dòng sông Đông Nam Bộ ?

Trên quan điểm môi trường và phát triển bền vững thì đất, rừng và nước là những điều kiện quan trọng hàng đầu. GV cần gợi ý HS tìm hiểu lưu vực sông Đồng Nai là lưu vực hâu như phủ kín lãnh thổ Đông Nam Bộ. Do đất trồng cây công nghiệp chiếm tỉ lệ lớn, đất rừng không còn nhiều nên nguồn sinh thuỷ bị hạn chế. Như vậy việc bảo vệ đất rừng để nguồn làm nguồn sinh thuỷ là rất quan trọng. Phản hạ lưu, do đô thị hoá và công nghiệp phát triển mạnh mà nguy cơ ô nhiễm nước cuối nguồn các dòng sông ngày càng mạnh mẽ. Từ đó suy ra phải hạn chế ô nhiễm nước của các dòng sông ở Đông Nam Bộ.

– Giải thích vì sao Đông Nam Bộ có sức hút mạnh mẽ đối với lao động cả nước ? Đây không phải là câu hỏi quá khó. Vấn đề là GV phải biết dẫn dắt HS tuân tự theo các chỉ tiêu phát triển trong bảng 31.2. Một số chỉ tiêu phát triển dân cư, xã hội quan trọng trong bảng này đều ở mức cao hơn trung bình cả nước như : thu nhập bình quân đầu người một tháng, học vấn, tuổi thọ trung bình và mức độ đô thị hóa. Hiện nay, do sức ép của dân số thất nghiệp và thiếu việc làm mà lao động từ nhiều vùng đổ về Đông Nam Bộ để tìm kiếm cơ hội việc làm với hi vọng có được cơ hội thu nhập khá hơn, có đời sống văn minh hơn. Làm việc tại Đông Nam Bộ, một số người có tay nghề được trả lương cao ; còn bộ phận lao động giản đơn chưa qua đào tạo, thường có thu nhập thấp, gặp không ít khó khăn. Tuy nhiên, GV cũng nên chỉ cho HS thấy bản thân vùng Đông Nam Bộ cũng gặp khó khăn về vấn đề thất nghiệp và thiếu việc làm. Các chỉ số thất nghiệp và thiếu việc làm cũng chiếm tỉ lệ không nhỏ, chỉ thấp hơn mức trung bình của cả nước chút ít.

– Để hướng dẫn HS vẽ biểu đồ cột chồng thể hiện dân số thành thị và nông thôn ở TP Hồ Chí Minh qua các năm, GV gợi ý HS xử lí số liệu và lập bảng sau :

**Dân số thành thị và nông thôn ở TP Hồ Chí Minh qua các năm (%)**

Năm Khu vực	1995	2000	2002
Nông thôn	... ?	... ?	... ?
Thành thị	... ?	... ?	... ?
Tổng cộng	100	100	100

GV gợi ý HS ôn lại cách vẽ biểu đồ cột chồng và yêu cầu HS hoàn thành bài tập này ở nhà.